

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC HÙNG THẮNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế,
Kỳ II-Năm học 2023-2024**

1. Chất lượng giáo dục

[illegible]

7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		596	150	67					129	65	1	1			158	84	1				159	95				1
Hoàn thành		192	51	17	1	1		4	40	9				3	53	17				3	48	12				
Chưa hoàn thành																										
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		619	151	68					131	65	1	1			160	87					177	101				1
Hoàn thành		169	50	16	1	1		4	38	9				3	51	14	1			3	30	6				
Chưa hoàn thành																										
9. Hoạt động trải nghiệm	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		599	156	70					123	60	1	1			158	83					162	95				1
Hoàn thành		189	45	14	1	1		3	46	14				3	53	18	1			3	45	12				
Chưa hoàn thành																										
10. Giáo dục thể chất	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		604	158	70					125	62	1	1			160	84					161	95				1
Hoàn thành		184	43	14	1	1		4	44	12				3	51	17	1			3	46	12				
Chưa hoàn thành																										
11. TH-CN (Công nghệ)	41	418													211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		327													162	88					165	93				1
Hoàn thành		91													49	13	1			3	42	14				
Chưa hoàn thành																										
12. TH-CN (Tin học)	45	418													211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		332													164	86	1				168	96				1
Hoàn thành		86													47	15				3	39	11				
Chưa hoàn thành																										
13. Ngoại ngữ	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		575	144	64					115	60	1	1			161	84					155	88				1
Hoàn thành		210	54	20	1	1		2	54	14				3	50	17	1			3	52	19				
Chưa hoàn thành		3	3					2																		
14. Tiếng dân tộc																										
Hoàn thành tốt																										
Hoàn thành																										
Chưa hoàn thành																										
II. Năng lực cốt lõi																										
Năng lực chung																										
Tự chủ và tự học	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		571	144	64					120	61	1	1			148	80					159	91				1
Đạt		212	55	20	1	1		2	47	13				3	63	21	1			3	47	15				
Cần cố gắng		5	2					2	2												1	1				
Giao tiếp và hợp tác	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		603	148	64					122	60	1	1			165	88				1	168	97				1
Đạt		183	51	20	1	1		2	47	14				3	46	13	1			2	39	10				

Cần cố gắng		2	2					2																		
Giải quyết vấn đề và	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		553	144	64					114	60	1	1			141	76					154	89				1
Đạt		231	54	20	1	1		2	55	14				3	70	25	1			3	52	17				
Cần cố gắng		4	3					2													1	1				
Năng lực đặc thù																										
Ngôn ngữ	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		596	149	66					122	61	1	1			160	85					165	95				1
Đạt		188	49	18	1	1		2	47	13				3	50	16	1			3	42	12				
Cần cố gắng		4	3					2							1											
Tính toán	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		581	145	62					121	57	1	1			154	82				1	161	89				1
Đạt		204	54	22	1	1		2	48	17				3	57	19	1			2	45	17				
Cần cố gắng		3	2					2													1	1				
Tin học	41	418													211	101	1			3	207	107				1
Tốt		340													160	87					180	98				1
Đạt		78													51	14	1			3	27	9				
Cần cố gắng																										
Công nghệ	41	418													211	101	1			3	207	107				1
Tốt		328													162	89					166	93				1
Đạt		90													49	12	1			3	41	14				
Cần cố gắng																										
Khoa học	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		595	148	65					116	58	1	1			160	84				1	171	95				1
Đạt		191	51	19	1	1		2	53	16				3	51	17	1			2	36	12				
Cần cố gắng		2	2					2																		
Thâm mĩ	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		601	148	67					120	62	1	1			173	94				1	160	95				1

Đạt		74	28	9	1	1		3	27	5				2	9		1			1	10	2				
Cần cố gắng		1	1					1																		
Chăm chỉ	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		581	148	68					124	64	1	1			152	87					157	91				1
Đạt		203	51	16	1	1		2	45	10				3	58	14	1			3	49	15				
Cần cố gắng		4	2					2							1						1	1				
Trung thực	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		675	167	74				1	138	67	1	1		1	194	98				2	176	96				1
Đạt		112	33	10	1	1		2	31	7				2	17	3	1			1	31	11				
Cần cố gắng		1	1					1																		
Trách nhiệm	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		626	154	71					131	63	1	1		1	174	93				1	167	96				1
Đạt		161	46	13	1	1		3	38	11				2	37	8	1			2	40	11				
Cần cố gắng		1	1					1																		
IV. Đánh giá KQGL	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
- Hoàn thành xuất		148	36	20					34	20					35	21					43	29				
- Hoàn thành tốt		340	97	40					70	34	1	1			89	47					84	46				1
- Hoàn thành		289	64	24	1	1		2	63	20				3	85	33	1			3	77	30				
- Chưa hoàn thành		11	4					2	2						2						3	2				
V. Khen thưởng		491	108	55					114	62	1	1			131	74					138	84				1
- Giấy khen cấp trường		408	91	45					97	53	1	1			106	61					114	67				1
- Giấy khen cấp trên		83	17	10					17	9					25	13					24	17				
VI. HSDT được trợ giảng																										
VII. HS.K.Tật		11	4	1				4	3					3	3	1				3	1					1
VIII. HS bỏ học kỳ II																										
+ Hoàn cảnh GDKK																										
+ KK trong học tập																										
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																										
+ Thiên tai, dịch bệnh																										
+ Nguyên nhân khác																										
IX. Chương trình I	788	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành	782	782	197	84	1	1		2	169	74	1	1		3	210	101	1			3	206	106				1
Chưa hoàn thành	6	6	4					2							1						1	1				

Hùng Thắng ngày 31 tháng 8 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Chi